

KẾ HOẠCH

**Thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở
năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, về việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01/7/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24/7/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND, ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định 1365/QĐ-UBND, ngày 30/8/2013;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ứng trước kinh phí ngân sách tỉnh năm sau để thực hiện Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Tạo điều kiện cho người có công với cách mạng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cải thiện về nhà ở góp phần cải thiện đời sống.

2. Yêu cầu

Thực hiện công khai, minh bạch việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cho 409 đối tượng; bảo đảm đúng quy định, đúng đối tượng và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

II. Nguyên tắc, phương châm hỗ trợ

1. Nguyên tắc

Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình có một hoặc nhiều người có công với cách mạng có nhà ở bị hư hỏng, dột nát. Ưu tiên hỗ trợ trước đối với các đối tượng: Thân nhân liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động từ 61%



trở lên. Việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở phải bảo đảm công khai, minh bạch, tránh thất thoát, bảo đảm phân bổ công bằng và hợp lý các nguồn lực hỗ trợ.

2. Phương châm

Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng nhà ở bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng gia đình; kết hợp, lồng ghép với các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả chính sách.

III. Nội dung

1. Số lượng

Số lượng hộ gia đình có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ từ nguồn ứng trước kinh phí ngân sách tỉnh là **409** đối tượng (*Danh sách kèm theo*).

2. Nhu cầu vốn

Mức hỗ trợ	Tổng số hộ	Định suất hỗ trợ (triệu đồng)	Tổng kinh phí (triệu đồng)
Hỗ trợ xây mới	250	70	17.500
Hỗ trợ sửa chữa	159	30	4.770
Tổng số	409		22.270

(Bảng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Định suất kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông.

3. Kế hoạch vốn phân theo huyện, thị xã

Đơn vị	Tổng số hộ		Kinh phí (triệu đồng)	
	Xây mới	Sửa chữa	Kinh phí xây mới	Kinh phí sửa chữa
TX. Gia Nghĩa	0	3	=	90
Đắk R'Lấp	9	15	630	450
Đắk Song	63	20	4410	600
Đắk Glong	3	6	210	180
Tuy Đức	0	3	-	90
Krông Nô	44	30	3080	900
Cư Jút	130	65	9100	1950
Đắk Mil	1	17	70	510
Tổng	250	157	17.500	4.770
Tổng cộng	409		22.270	

4. Kế hoạch phân bổ vốn

Sở Tài chính thông báo và lập thủ tục cấp phát kinh phí ứng trước cho UBND các huyện, thị xã để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Là cơ quan thường trực của tỉnh có nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch này. Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã trình tự thủ tục thực hiện việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

- Tổ chức các cuộc họp triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm hiệu quả; tổ chức kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện và chất lượng xây dựng nhà ở; phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, đôn đốc, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc của địa phương, đối tượng thụ hưởng trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội điều chỉnh danh sách đối tượng được hỗ trợ báo cáo UBND tỉnh.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và đơn vị liên quan thực hiện rà soát danh sách các hộ gia đình người có công với cách mạng thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở để phối hợp với Sở Xây dựng tổng hợp vào Kế hoạch chung, trình UBND tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính.

- Chịu trách nhiệm trong việc rà soát, tổng hợp đối tượng được hỗ trợ về nhà ở trên cơ sở đề xuất của UBND các huyện, thị xã, phối hợp với Sở Xây dựng trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Huy động nguồn vốn hỗ trợ của tổ chức, cá nhân hỗ trợ bổ sung kinh phí cùng nguồn ngân sách nhà nước góp phần nâng cao chất lượng nhà ở của các đối tượng được hỗ trợ.

- Phối hợp với các cấp, các ngành trong việc kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại liên quan đến chính sách hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở theo quy định.

4. Sở Tài chính

- Thông báo và lập thủ tục cấp phát kinh phí cho UBND các huyện, thị xã để triển khai thực hiện hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ người có công với cách mạng được phê duyệt tại Kế hoạch này.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan trong việc sử dụng kinh phí quản lý; trình tự, thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của Bộ Tài chính; phối hợp với các Sở, ngành liên quan theo dõi việc quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp các nguồn vốn của Trung ương và vốn tạm ứng từ ngân sách tỉnh để lập kế hoạch vốn phù hợp với tiến độ thực hiện; phối hợp với các ngành liên quan xử lý phát sinh về vốn (nếu có).

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Thực hiện lập, kiểm tra, đối chiếu danh sách đối tượng người có công với cách mạng được hỗ trợ về nhà ở của địa phương; chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách, đối tượng trước khi triển khai hỗ trợ, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng.

- Căn cứ nguồn vốn được UBND giao, vốn ngân sách của huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, thực hiện phân bổ vốn hỗ trợ về nhà ở cho các xã theo Kế hoạch đề cấp phát cho đối tượng. Đối với hộ gia đình có nhiều nhân khẩu, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có khả năng đối ứng kinh phí xây dựng nhà ở, có phương án vận động kinh phí hỗ trợ bổ sung bảo đảm nhà ở được xây dựng đạt chất lượng, diện tích phù hợp.

- Theo dõi, đôn đốc UBND cấp xã triển khai thực hiện hỗ trợ đúng theo các quy định hiện hành.

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế - Hạ tầng (Phòng Quản lý đô thị đối với thị xã Gia Nghĩa) hướng dẫn, kiểm tra chất lượng xây dựng nhà ở của đối tượng được hỗ trợ.

- Trước ngày 20 hàng tháng có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng (Báo cáo nêu đầy đủ những thuận lợi, khó khăn (nếu có) và đề xuất hướng tháo gỡ, xử lý).

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Tổ chức tuyên truyền về Kế hoạch thực hiện hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở trên địa bàn; thực hiện công khai danh sách, tiêu chuẩn đối tượng được hỗ trợ về nhà ở.

+ Phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng của cấp huyện (Phòng Quản lý đô thị của thị xã Gia Nghĩa) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình xây dựng nhà ở bảo đảm yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định tại Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; vận động các hộ tự xây dựng nhà ở và tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật,...) không thể tự xây dựng nhà ở; phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức nghiệm thu và hướng dẫn đối tượng thực hiện chế độ thanh quyết toán theo quy định.

+ Báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn cho UBND cấp huyện để tổng hợp báo cáo các ngành chức năng.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, triển khai thực hiện./ 

Nơi nhận:

- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: TC, KH&ĐT, XD, LĐTB&XH;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, KTKH, CNXD, KGVX(Vn).

6

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Tôn Thị Ngọc Hạnh

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG HỖ TRỢ NHÀ Ở NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 588 /KH-UBND ngày 30 /10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Thuộc đối tượng	Địa chỉ	Hình thức hỗ trợ		Ghi chú
					Xây mới	Sửa chữa	
I. HUYỆN CƯ JÚT							
1	Hà Thị Tận	1949	Mẹ liệt sĩ	Thôn 11, xã Cư Knia	130	65	Đã từ trần ngày 28/12/2013
2	Lý Quang Định	1959	Thương binh	Thôn 4, xã Cư Knia	x		
3	Hà Thị Lượng	1966	Con liệt sĩ	Thôn 5, xã Cư Knia	x		
4	Đặng Thị Toan	1920	Mẹ liệt sĩ	Thôn 8, xã Cư Knia	x		
5	Vũ Thị Bay	1943	Vợ liệt sĩ	Thôn 8, xã Cư Knia	x		
6	Nguyễn Văn Phê	1952	CDHH	Thôn 6, xã Cư Knia	x		
7	Hà Thanh Tuấn	1959	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
8	Hà Văn Thái	1954	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
9	Lưu Đức Hùng	1947	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
10	Trần Đức Lợi	1957	Thương binh	Xã Ea Pô		x	
11	Hà Văn Tơ	1952	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
12	Nông Xuân Hoi	1946	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
13	Lê Hồng Lai	1933	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
14	Cao Văn Kho	1956	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
15	Vĩ Văn Thịnh	1950	Thương binh	Xã Ea Pô	x		



16	Vũ Văn Chu	1948	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
17	Hà Văn Tươi	1963	Thương binh	Xã Ea Pô		x	
18	Phạm Tiến Lực	1952	CDHH	Xã Ea Pô	x		
19	Lò Văn Đố	1953	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
20	Hà Minh Phúc	1952	Thương binh	Xã Ea Pô		x	
21	Lữ Văn Hèm	1956	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
22	Phạm Thanh Loan	1963	Thương binh	Thôn Hợp Tân, Xã Ea Pô		x	
23	Triệu Thị Xa	1954	Vợ liệt sĩ	Xã Ea Pô	x		
24	Hà Thị Đanh	1939	Vợ liệt sĩ	Xã Ea Pô	x		
25	Hà Văn Luân	1964	Con liệt sĩ	Xã Ea Pô	x		
26	Vi Thị Đới	1947	Vợ liệt sĩ	Xã Ea Pô		x	
27	Hà Văn Miên	1948	Bệnh binh	Xã Ea Pô		x	
28	Len Văn Thừa	1948	Bệnh binh	Xã Ea Pô	x		
29	Hà Văn Tung	1956	Bệnh binh	Xã Ea Pô		x	
30	Lương Văn Dong	1960	Thương binh	Xã Ea Pô	x		
31	Vi Văn Thường	1940	Bệnh binh	Xã Ea Pô	x		
32	Lữ Văn Hoạt	1946	Thương binh	Thôn Suối Tre, xã Ea Pô	x		
33	Nguyễn Lương	1936	Thương binh	Thôn Nam Tiến, Xã Ea Pô	x		
34	Lò Khăm Cốt	1942	CDHH	Xã Ea Pô	x		
35	Lục Văn Hội	1970	Con liệt sĩ	Thôn Nam Tiến, Xã Ea Pô	x		
36	Lê Như Đình	1932	HĐKC	Xã Ea Pô	x		
37	Lương Đức Kiên	1952	CDHH	Xã Ea Pô	x		
38	Hà Văn Trịnh	1951	CDHH	Xã Ea Pô	x		
39	Lang Đình Thuyền	1953	CDHH	Xã Ea Pô	x		

40	Hoàng Như Ý	1955	CDHH	Xã Ea Pô	x		
41	Vũ Ngọc Trân	1949	CDHH	Xã Ea Pô	x		
42	Triệu Quang Trại	1940	CDHH	Xã Ea Pô	x		
43	Nguyễn Đức Tường	1948	HĐKC	Thôn Tân Tiến, xã Ea Pô	x		
44	Đàm Văn Dung	1951	CDHH	Xã Ea Pô	x		
45	Hà Thế Nguyễn	1963	CDHH	Xã Ea Pô	x		
46	Hà Văn Tiều	1953	CDHH	Xã Ea Pô	x		
47	Lương Mai Du	1959	Thương bình	Thôn 3, xã Đăk Wil	x		
48	La Văn San	1950	Thương bình	Thôn 3, xã Đăk Wil		x	
49	Trương Quang Tinh	1948	Thương bình	Thôn Hà Thống, xã Đăk Wil		x	
50	Nguyễn Văn Tiêu	1947	Thương bình	Buôn Trum, xã Đăk Wil		x	
51	Triệu Hoàng Thanh (Hoàng Văn Thanh)	1939	Bố liệt sĩ	Thôn Hà Thống, xã Đăk Wil	x		Đã từ trần ngày 12/11/2016
52	Lê Thanh Bình	1951	Bệnh bình	Thôn Trung Tâm, xã Đăk Wil		x	
53	Hoàng Văn Kín	1948	Bệnh bình	Thôn 1, xã Đăk Wil	x		
54	Y Suốt Niê	1941	Bệnh bình	Buôn Trum, Xã Đăk Wil		x	
55	Y Krúé Miô	1938	Bệnh bình	Buôn Trum, Xã Đăk Wil		x	
56	Phạm Văn Tuấn	1965	Thương bình	Thôn Đồi Mây, Xã Đăk Wil		x	
57	Y Bliêu Kbuôr	1962	Bệnh bình	Buôn Knă, Xã Đăk Wil		x	
58	Vũ Minh Tiếp	1946	CDHH	Thôn 8, Xã Đăk Wil	x		
59	Hoàng Văn Phùng	1946	Thương bình	Thôn 3, xã Đăk D'rông	x		
60	Lục Văn Ềng	1952	Thương bình	Thôn 3, xã Đăk D'rông		x	
61	Nông Ngọc Văn	1961	Thương bình	Thôn 5, xã Đăk D'rông	x		
62	Mai Xuân Cùi	1951	Thương bình	Thôn 15, xã Đăk D'rông	x		
63	Nông Riêu Còi	1958	Thương bình	Thôn 16, xã Đăk D'rông	x		

64	Vi Văn Phú	1952	Thương binh	Thôn 16, xã Đăk D'rông	x		
65	Nông Văn Đình	1955	Thương binh	Thôn 10, xã Đăk D'rông		x	
66	Hoàng Thị Sơn	1950	Vợ liệt sĩ	Thôn 2, xã Đăk D'rông	x		
67	Bé Thị Nôm	1944	Vợ liệt sĩ	Thôn 3, xã Đăk D'rông	x		
68	Nông Thị Ngườm	1923	Mẹ liệt sĩ	Thôn 6, xã Đăk D'rông		x	
69	Hà Thị Ve	1936	Vợ liệt sĩ	Thôn 10, xã Đăk D'rông		x	
70	Vi Văn Mộc	1954	CDHH	Thôn 8, xã Đăk D'rông	x		
71	Trương Công Toàn	1945	Bệnh binh	Thôn 3, xã Đăk D'rông	x		
72	Lý Văn Đình	1957	Bệnh binh	Thôn 10, xã Đăk D'rông	x		
73	Nông Văn Kiên	1954	Bệnh binh	Thôn 14, xã Đăk D'rông	x		
74	Hoàng Đình Phát	1949	CDHH	Thôn 15, xã Đăk D'rông		x	
75	Lăng Thị Sinh	1946	Vợ liệt sĩ	Thôn 1, xã Đăk D'rông	x		
76	Nông Văn Thèn	1954	Thương binh	Thôn 7, Xã Đăk D'rông		x	
77	Mã Văn Thắng	1969	Con liệt sĩ	Thôn 8, Xã Đăk D'rông	x		
78	Vi Văn Long	1951	HĐKC	Thôn 15, Xã Đăk D'rông	x		
79	Y Khanh Bkrông	1945	CDHH	Bon U, Xã Đăk D'rông	x		
80	Y Thao Bkrông	1940	CDHH	Bon U, Xã Đăk D'rông	x		
81	Nông Văn Nguyễn	1954	HĐKC	Thôn 3, Xã Đăk D'rông	x		
82	Nông Văn Ý	1940	CDHH	Thôn 8, Xã Đăk D'rông	x		
83	Hoàng Đức Thiện	1954	CDHH	Thôn 8, Xã Đăk D'rông	x		
84	Hoàng Văn Páo	1949	CDHH	Thôn 10, Xã Đăk D'rông	x		
85	Nông Văn Rinh	1947	HĐKC	Thôn 9, Xã Đăk D'rông	x		
86	Nguyễn Văn Tư	1959	Thương binh	Xã Nam Dong	x		
87	Nguyễn Thị Hải	1949	Thương binh	Thôn 3, xã Nam Dong		x	

88	Lê Văn Thập	1946	Thương binh	Thôn 3, xã Nam Dong	x		
89	Nguyễn Hữu Kỳ	1940	Thương binh	Xã Nam Dong	x		
90	Bùi Thế Nhuận	1952	Thương binh	Thôn 4, xã Nam Dong		x	
91	Phạm Ngọc Sơn	1946	Thương binh	Thôn 6, xã Nam Dong		x	
92	Nguyễn Thị Hà	1944	Thương binh	Thôn 6, xã Nam Dong	x		
93	Mai Ngọc Bảo	1957	Thương binh	Thôn 6, xã Nam Dong		x	
94	Lê Đăng Tịnh	1952	Thương binh	Thôn 11, xã Nam Dong	x		
95	Vũ Tiến Phương	1957	Thương binh	Thôn 6, xã Nam Dong		x	
96	Vũ Hồng Kỳ	1954	Thương binh	Thôn 13, xã Nam Dong	x		
97	Nguyễn Viết Long	1940	CDHH	Thôn Trung Tâm, xã Nam Dong		x	
98	Nguyễn Văn Thư	1938	Thương binh	Thôn 16, xã Nam Dong		x	
99	Nguyễn Đại Từ	1946	Thương binh	Xã Nam Dong		x	
100	Hoàng Trung Lập	1957	Thương binh	Thôn 10, xã Nam Dong	x		
101	Đặng Xuân Tân	1952	Thương binh	Thôn Trung Tâm, xã Nam Dong		x	Đính chính tên (Đặng Xuân Tân)
102	Thái Sỹ Điểm	1939	Thương binh	Thôn Trung Tâm, xã Nam Dong		x	
103	Nguyễn Thị Nhung	1947	Thương binh	Thôn 3, xã Nam Dong		x	
104	Đoàn Thanh Ngân	1954	CDHH	Thôn 3, xã Nam Dong	x		
105	Phan Thị Hòa	1944	Vợ liệt sĩ	Thôn 2, xã Nam Dong	x		
106	Phạm Thị Nga	1937	Vợ liệt sĩ	Thôn 6, xã Nam Dong		x	
107	Nguyễn Thị Thu	1946	Vợ liệt sĩ	Xã Nam Dong		x	
108	Vũ Thị Phiến	1950	Vợ liệt sĩ	Thôn Trung Tâm, xã Nam Dong		x	
109	Trần Thị Sáng	1946	Mẹ liệt sĩ	Thôn 1, xã Nam Dong	x		
110	Nguyễn Trung Đông	1955	Bệnh binh	Thôn 2, xã Nam Dong		x	
111	Lê Phi Ngon	1955	Bệnh binh	Thôn 4, xã Nam Dong	x		

112	Trần Văn Công	1946	Bệnh binh	Thôn 13, xã Nam Dong		x	
113	Bé Xuân Côn	1958	Bệnh binh	Thôn 14, xã Nam Dong	x		
114	Hứa Văn Liêu	1954	Bệnh binh	Thôn 7, xã Nam Dong		x	
115	Sầm Thanh Quân	1951	Bệnh binh	Thôn 7, xã Nam Dong	x		
116	Nông Ngọc Đoàn	1940	Bệnh binh	Thôn 8, xã Nam Dong		x	
117	Hoàng Đức Ái	1957	Bệnh binh	Thôn 1, xã Nam Dong	x		
118	Huỳnh Thị Mai	1943	Thương Binh	Thôn Trung Tâm, xã Nam Dong		x	
119	Phạm Văn Thanh	1956	Thương Binh	Thôn 3, xã Nam Dong	x		
120	Hoàng Văn Bích	1954	CDHH	Thôn 1, xã Nam Dong	x		
121	Bùi Hữu Thiết	1952	CDHH	Xã Nam Dong	x		
122	Bùi Xuân Phảng	1953	Thương binh	Thôn 13, xã Nam Dong	x		
123	Cao Thị Dung	1965	Con liệt sĩ	Thôn 7, xã Nam Dong	x		
124	Đặng Văn Hào	1983	Thương binh	Xã Nam Dong	x		
125	Phạm Trọng Chuyển	1947	CDHH	Thôn 15, xã Nam Dong	x		
126	Đỗ Hùng Vuông	1948	CDHH	Thôn 11, xã Nam Dong	x		
127	Lâm Văn Lượng	1951	CDHH	Thôn 3, xã Nam Dong	x		
128	Hoàng Văn Lanh	1949	Thương binh	Xã Nam Dong	x		
129	Nguyễn Văn Hiếu	1937	GĐCM	Thôn 15, xã Nam Dong		x	
130	Đỗ Văn Dịch	1952	CDHH	Thôn 14, xã Nam Dong	x		
131	Đàm Văn Tuyên	1950	CDHH	Thôn 12, xã Nam Dong	x		
132	Trần Xuân Đà	1953	CDHH	Thôn 6, xã Nam Dong	x		
133	Hứa Đại La	1952	CDHH	Thôn 7, xã Nam Dong	x		
134	Trần Văn Nối	1938	Thương binh	TDP 1, TT. Ea T'ling		x	
135	Cao Đức Thoại	1948	Thương binh	TDP 3, TT. Ea T'ling		x	

136	Lý Ngọc Bình	1950	Thương binh	TDP 7, TT. Ea T'ling		x	
137	Lưu Văn Nha	1954	Thương binh	TDP 7, TT. Ea T'ling	x		
138	Nguyễn Thị Dung (côi)	1952	Con liệt sĩ	TDP 5, TT. Ea T'ling		x	
139	Lương Chính Thống	1956	Bệnh binh	TDP 7, TT. Ea T'ling		x	
140	Vũ Quốc Chấn	1942	Bệnh binh	Bon U3, TT. Ea T'ling		x	
141	Nguyễn Đức Đường	1942	Bệnh binh	Bon U1, TT. Ea T'ling		x	
142	Nguyễn Thị Cây	1919	Mẹ liệt sĩ	Bon U1, TT. Ea T'ling	x		
143	Hoàng Kim Nữ	1942	Bệnh binh	TDP 11, TT. Ea T'ling	x		
144	Bùi Phó Diệp	1949	Thương Binh	TDP 1, TT. Ea T'ling		x	
145	Trần Văn Huân	1962	Thương Binh	TDP 1, TT. Ea T'ling	x		
146	Nguyễn Văn Xế	1930	Thương Binh	TDP 6, TT. Ea T'ling		x	
147	Lê Thị Dung	1920	Vợ liệt sĩ	TDP 8, TT. Ea T'ling	x		
148	Nguyễn Thị Mẫn	1953	Thương Binh	TDP 7, TT. Ea T'ling	x		
149	Nguyễn Thị Bảy	1937	Vợ liệt sĩ	TDP 7, TT. Ea T'ling		x	
150	Tạ Xuân Luyện	1953	CĐHH+Con liệt sĩ	TDP 5, TT. Ea T'ling	x		
151	Mã Thị Sao	1950	HĐKC	TDP 9, TT. Ea T'ling	x		
152	Trần Đình Phúc	1949	HĐKC	TDP 6, TT. Ea T'ling	x		
153	Lê Thanh Hòa	1949	CĐHH	TDP 1, TT. Ea T'ling	x		
154	Nông Duy Lang	1954	CĐHH	TDP 7, TT. Ea T'ling	x		
155	Bùi Văn Hoàng	1951	CĐHH	TDP 11, TT. Ea T'ling	x		
156	Nguyễn Văn Chính	1940	CĐHH	TDP 3, TT. Ea T'ling	x		
157	La Thị Kim	1940	HĐKC	TDP 7, TT. Ea T'ling	x		
158	Y Tum	1945	CĐHH	Bon U2, TT. Ea T'ling	x		
159	Lê Ngọc Nga	1955	HĐKC	Bon U3, TT. Ea T'ling	x		

160	Y Yăn Kbuôr	1953	HKC	Bon U3, TT. Ea Tling	x		
161	Trần Nam Tư	1955	Thương binh	Thôn 10, xã Tâm Thắng	x		
162	Đinh Xuân Láng	1952	Thương binh	Thôn 11, xã Tâm Thắng	x		
163	Lê Xuân Trường	1963	Thương binh	Thôn 7, xã Tâm Thắng		x	
164	Mai Thị Tới	1950	Vợ liệt sĩ	Thôn 7, xã Tâm Thắng	x		
165	Hồ Thị Cơ	1925	Mẹ liệt sĩ	Xã Tâm Thắng	x		Đã từ trần
166	Phạm Hồng Căn	1942	Bệnh binh	Thôn 3, xã Tâm Thắng	x		
167	Lương Thanh Bình	1959	Bệnh binh	Thôn 10, xã Tâm Thắng	x		
168	H Jiêng	1942	Bệnh binh	Thôn 12, xã Tâm Thắng		x	
169	Nguyễn Hùng Cường	1941	CDHH	Thôn 2, xã Tâm Thắng		x	
170	Nguyễn Thế Hùng	1958	CDHH	Thôn 5, xã Tâm Thắng		x	
171	Trần Văn Báu	1960	Thương binh	Thôn 1, xã Tâm Thắng		x	
172	Hoàng Văn Thuận	1950	Thương binh	Thôn 1, xã Tâm Thắng		x	
173	Vũ Thanh Kỳ	1950	Thương binh	Thôn 2, xã Tâm Thắng		x	
174	Nguyễn Văn Đang	1951	Thương binh	Thôn 2, xã Tâm Thắng		x	
175	Bùi Minh Thiên	1952	Thương binh	Thôn 3, xã Tâm Thắng	x		
176	Nguyễn Mạnh Đạt	1928	Tiền khởi nghĩa	Thôn 1, xã Tâm Thắng		x	
177	Nguyễn Thế Hùng	1958	CDHH	Thôn 5, xã Tâm Thắng		x	
178	H Ngét Kpơ	1956	GĐCM	Buôn Ea Pô, xã Tâm Thắng	x		
179	Đinh Tắt Thắng	1947	CDHH	Thôn 4, xã Tâm Thắng	x		
180	Mai Văn Long	1943	CDHH	Thôn 10, xã Tâm Thắng	x		
181	Nguyễn Văn Sùng	1924	Tù đày	Thôn 8, xã Tâm Thắng	x		
182	Y Siêng Niê	1945	CDHH	Buôn Trum, xã Tâm Thắng	x		
183	Vũ Quang Khanh	1954	CDHH	Thôn 4, xã Tâm Thắng	x		

184	Y Kleo Bya	1950	GĐCM	Buôn Nuôi, xã Tâm Thắng	x		
185	Y Bliờ Ê Ban	1946	HĐKC	Buôn Buờ, xã Tâm Thắng	x		
186	Võ Thị Tâm	1930	GĐCM	Thôn 11, xã Tâm Thắng	x		
187	Y Drờ Knul	1944	HĐKC	Buôn Nuôi, xã Tâm Thắng	x		
188	Trần Quang Phục	1944	HĐKC	Thôn 5, xã Trúc Sơn	x		
189	Bé Cao Đảo	1940	Bố liệt sĩ	Thôn 5, xã Trúc Sơn	x		
190	Trương Cao Tinh	1946	HĐKC + CĐHH	Thôn 5, xã Trúc Sơn	x		
191	Lý Kim Chòi	1952	CĐHH	Thôn Thái Học, xã Đắc Wil		x	
192	Đinh Văn Tôn	1937	CĐHH	Thôn 10, xã Đắc D'rông	x		
193	Y Lâm BLô	1923	CĐHH	Bon U, Xã Đắc D'rông		x	
194	Nguyễn Văn Nhơn	1953	Thương binh	Thôn 3, xã Nam Dong	x		
195	Lê Viết Phương	1948	CĐHH	Thôn 5, xã Tâm Thắng		x	
II. HUYỆN ĐẮK SONG					63	20	
196	Nguyễn Kim Phụng	1953	Bệnh binh	Thôn 2, xã Thuận Hà	x		
197	Bùi Văn An	1989	Bệnh binh	Thôn 2, xã Thuận Hà	x		
198	Nguyễn Trọng Tân	1950	CĐHH	Thôn 5, xã Thuận Hà	x		
199	Trần Văn Trang	1950	CĐHH	Thôn 6, xã Thuận Hà	x		
200	Trần Mạnh Tuấn	1948	Thương binh	Thuận Hưng, xã Thuận Hạnh	x		
201	Trần Văn Biềng	1952	Bệnh binh	Thuận Bình, xã Thuận Hạnh		x	
202	Lê Huy Chi	1949	Bệnh binh	Thuận Lợi, Thuận Hạnh	x		
203	Nguyễn Duy Dục	1972	HĐKC	Thuận Thành, xã Thuận Hạnh	x		
204	Nguyễn Trung Thông	1965	HĐKC	Thuận Bình, xã Thuận Hạnh	x		
205	Hoàng Phi Liêm	1938	Thương binh	Thuận Thành, xã Thuận Hạnh		x	
206	Bùi Văn Phong	1941	CĐHH	Thuận Hưng, xã Thuận Hạnh	x		

207	Nguyễn Quốc Diệp	1957	Thương binh	Thuận Tân, xã Thuận Hạnh			Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
208	Phạm Xuân Tu	1949	Thương binh	Thuận Thành, xã Thuận Hạnh	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
209	Nguyễn Văn Điều	1943	CDHH	Thuận Hải, xã Thuận Hạnh	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
210	Vũ Văn Thương	1944	Thương binh	Thuận Hưng, xã Thuận Hạnh		x	Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
211	Trần Ngọc Vượng	1941	Bệnh binh	Thuận Đồng, xã Thuận Hạnh	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
212	Hoàng Văn Lợi		CDHH	Thuận Đồng, xã Thuận Hạnh	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
213	Đặng Trường Sơn	1955	CDHH	Thôn 'A3III, xã Đắc Mól	x		
214	Nguyễn Đăng Sừ	1950	Thương binh	Thôn A3III, xã Đắc Mól	x		
215	Lương Hữu Luận	1959	Thương binh	Thôn E29II, xã Đắc Mól		x	
216	Y Phạm Mól	1942	Thương binh	Bon Jri, xã Đắc Mól		x	
217	Nguyễn Viết Nam	1951	Thương binh	Bon Jari, xã Đắc Mól	x		
218	Nguyễn Hải Đường	1948	Bệnh binh	Thôn 'Hà Nam Ninh, xã Đắc Mól	x		
219	Y Nghét	1954	Bệnh binh	Bon Blán, xã Đắc Mól	x		
220	Nguyễn Đức Tuệ	1950	Bệnh binh	Thôn E29II, xã Đắc Mól	x		
221	Nguyễn Văn Phán	1958	Con liệt sĩ	Thôn 'Hà Nam Ninh, xã Đắc Mól	x		
222	Huỳnh Tấn Sang	1959	Con liệt sĩ	Thôn E29II, xã Đắc Mól	x		
223	H'Djroih	1945	GĐCM	Bon Blán, xã Đắc Mól	x		
224	Nguyễn Hồng Quang	1957	Tù đầy	Đắc Sơn I, xã Đắc Mól	x		
225	Hoàng Văn Thịnh	1948	CDHH	Thôn E29I, xã Đắc Mól	x		
226	Cao Văn Tư	1939	CDHH	Thôn E29I, xã Đắc Mól	x		
227	Y Nhã	1930	GĐCM	Bon Blán, xã Đắc Mól	x		

228	Trần Văn Điều	1959	Thương binh	Thôn Hà Nam Ninh, xã Đắc Mol	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
229	Y Dai	1933	Bố liệt sĩ	Bon Jary, xã Đắc Mol	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
230	Nguyễn Quang Việt	1956	Thương binh	Thôn Đắc Sơn II, xã Đắc Hòa	x		
231	Trần Thị Tâm	1957	Vợ liệt sĩ	Thôn Rừng lạnh, xã Đắc Hòa		x	
232	Nguyễn Tới	1962	Con liệt sĩ	Thôn Tân Bình 2, xã Đắc Hòa		x	
233	Hồ Thị Bình	1948	Thương binh	Thôn Đắc Hòa 1, xã Đắc Hòa		x	
234	Đào Văn Giáp	1964	Thương binh	Bu Rwah, xã Đắc N'Drung	x		
235	Nguyễn Văn Nhường		Bệnh binh	Đắc Kual 6, xã Đắc N'Drung	x		
236	Thị Bráp	1920	Chị CCND liệt sĩ	Bu N'Drung, xã Đắc N'Drung	x		
237	Vi Văn La	1949	Thương binh	Bu Bong, Đắc N'Drung	x		
238	Võ Văn Vinh	1957	Thương binh	Thôn 1, xã Năm N'Jang	x		
239	Đỗ Thị Cam	1953	Bệnh binh	Thôn 3, xã Năm N'Jang	x		
240	Nguyễn Thị Tinh	1948	CĐHH	Thôn 3, xã Năm N'Jang	x		
241	Lương Đức Hồ	1950	Thương binh	Thôn 10, xã Năm N'Jang	x		
242	Đoàn Văn Vĩnh	1958	Người HĐKC	Thôn 10, xã Năm N'Jang	x		
243	Bùi Xuân Chính	1962	Thương binh	Thôn 3, xã Năm N'Jang	x		
244	Phạm Cường	1959	Thương binh	Thôn 4, xã Năm N'Jang		x	Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
245	Vũ Nhật Hùng	1956	Thương binh	Thôn 4, xã Năm N'Jang	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
246	Nguyễn Phúc Quyết	1951	CĐHH	TDP 2, TT.Đức An	x		
247	Phạm Thị Cúc	1949	Vợ liệt sĩ	TDP 6, TT.Đức An	x		
248	Trịnh Văn Thanh	1958	Thương binh B	TDP 6, TT.Đức An		x	
249	Hoàng Văn Khấn	1957	CĐHH	TDP 2, TT.Đức An	x		

250	Trần Đại Thám	1950	Thương binh	TDP 2, TT.Đức An	x		
251	Nguyễn Thọ Minh	1952	Thương binh	TDP 2, TT.Đức An	x		
252	Tạ Xuân Phương	1942	Thương binh	TDP 3, TT.Đức An	x		
253	Lê Thị Hoa	1946	Con liệt sĩ	TDP 3, TT.Đức An	x		
254	Trương Thanh Bình	1950	Bệnh binh	TDP 3, TT.Đức An	x		
255	Vũ Văn Lịch	1945	CĐHH	TDP 5, TT.Đức An	x		
256	Trần Văn Toán	1966	Thương binh	TDP 3, TT.Đức An		x	
257	Y - SoBuNơ	1959	Bệnh binh	Bon Bu, xã Trường Xuân	x		
258	Bùi Văn Quang	1947	CĐHH	Thôn 6, xã Trường Xuân		x	
259	Nguyễn Thị Gắn	1938	Vợ liệt sĩ	Ta Mung, xã Trường Xuân	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
260	Huỳnh Đới	1938	Con liệt sĩ	Thôn 8, xã Trường Xuân		x	Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
261	Trần Yêm	1945	Thương binh	Thôn 10, xã Nam Bình		x	
262	Trình Đình Ánh	1947	Thương binh	Thôn 7, xã Nam Bình		x	
263	Đồng Xuân Hai	1960	Thương binh	Thôn 7, xã Nam Bình		x	
264	Nguyễn Thị Nhoan	1920	Vợ liệt sĩ	Thôn 9, xã Nam Bình	x		
265	Trần Duy Đô	1948	Thương binh	Thôn 6, xã Nam Bình	x		
266	Phạm Văn Tiết	1948	CĐHH	Thôn 3, xã Nam Bình	x		
267	Vũ Văn Hưng	1954	CĐHH	Thôn 8, xã Nam Bình	x		
268	Phạm Văn My	1957	CĐHH	Thôn 7, xã Nam Bình	x		
269	Vũ Thị Tin	1919	Mẹ liệt sĩ	Thôn 7, xã Nam Bình	x		
270	Nguyễn Đình Trung	1920	Bố liệt sĩ	Thôn 9, xã Nam Bình	x		
271	Đình Quang Hải	1952	Bệnh binh	Thôn 11, xã Nam Bình	x		

272	Hồ Sỹ Biên	1954	CĐHH	Thôn 9, xã Nam Bình	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
273	Đình Thế Hồng	1957	Thương binh	Thôn 2, xã Nam Bình	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
274	Trần Xuân Cái	1955	Bệnh binh	Thôn 7, xã Nam Bình	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
275	Vũ Minh Thuận	1960	Thương binh	Thôn 10, xã Nam Bình	x		Điều chỉnh từ sửa chữa sang xây mới (có BBKT tại thời điểm rà soát)
276	Nguyễn Lương Ưông	1948	CĐHH	Thôn 10, xã Nam Bình		x	Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
277	Trịnh Xuân Khang	1955	Thương binh	Thôn 10, xã Nam Bình		x	Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
278	Nguyễn Văn Chấn	1949	CĐHH	Thôn 8, xã Nam Bình		x	Điều chỉnh từ xây mới sang sửa chữa (có BBKT tại thời điểm rà soát)
III. HUỖN KRÔNG NÔ							
279	A Ma Xuân	1950	CĐHH	Buôn 9, xã Đăk Drô	x		
280	Y Blor	1956	CĐHH	Buôn 9, xã Đăk Drô		x	
281	Y Bleng	1950	Bệnh binh	Buôn 9, xã Đăk Drô		x	
282	Ngô Đức Cao	1946	Thương binh	Buôn 01, xã Đăk Drô	x		
283	H B Rom	1944	GĐCM	Buôn 01, xã Đăk Drô	x		
284	Nguyễn Ngọc Sơn	1954	CĐHH	Thôn Đăk Trung, xã Đăk Drô	x		
285	Đặng Tấn Ngoan	1969	Con liệt sĩ	Thôn Nam Tân, xã Năm N'Dir	x		
286	Đinh Thị Thanh Tâm	1966	Con liệt sĩ	Thôn Nam Hà, xã Năm N'Dir	x		
287	Nguyễn Hữu Cường	1950	CĐHH	Thôn Nam Thanh, xã Năm N'Dir		x	
288	Y Cường	1959	CĐHH	Thôn Đăk Prí, xã Năm N'Dir	x		
289	Y Bleo	1945	CĐHH	Bon Ja Rah, xã Năm Nung	x		
290	Y Thi	1940	Bệnh binh	Bon Ja Rah, xã Năm Nung		x	
291	Y Heo	1956	CĐHH	Bon R'Cáp, xã Năm Nung	x		

292	Dương Công Văn	1952	CDHH	Bon Yok Ju, xã Năm Nung	x		
293	Vi Thanh Chuẩn	1954	CDHH	Xã Thanh Thái, xã Năm Nung	x		
294	Nguyễn Văn Hào	1955	CDHH	Bon Yok Ju, xã Năm Nung	x		
295	H Breo	1947	CDHH	Bon Yok Ju, xã Năm Nung		x	
296	Nguyễn Văn Đoàn	1957	Thương binh	Xã Thanh Thái, xã Năm Nung		x	
297	Phạm Văn Phương	1952	CDHH	Xã Thanh Thái, xã Năm Nung	x		
298	Trần Thị Nở	1969	Con liệt sĩ	Thôn Xuyên Tân, xã Đức Xuyên	x		
299	Trịnh Minh Sơn	1959	Thương binh	Thôn Xuyên Tân, xã Đức Xuyên		x	
300	Nguyễn Thị Trương	1942	Con liệt sĩ	Thôn Xuyên Phước, xã Đức Xuyên		x	
301	Lê Văn Luật	1945	Con liệt sĩ	Thôn Nam Nghĩa, xã Nam Đà	x		
302	Phạm Thị Phương	1958	Thương binh	Thôn Nam Nghĩa, xã Nam Đà	x		
303	Bùi Thị Hòe	1947	Bệnh binh	Thôn Nam Hải, xã Nam Đà	x		
304	Nguyễn Thị Xuân	1945	HĐKC	Thôn Nam Xuân, xã Nam Đà	x		
305	Thái Hoa	1960	Thương binh	Thôn Nam Nghĩa, xã Nam Đà		x	
306	Nguyễn Phương Nhân	1958	Con liệt sĩ	Thôn Nam Cường, xã Nam Đà		x	
307	Châu Ngọc Bảy	1937	GĐCM	Thôn Nam Thành, xã Nam Đà		x	
308	Trịnh Thị Tịnh	1914	Mẹ liệt sĩ	Thôn Nam Thành, xã Nam Đà		x	
309	Huỳnh Tùng	1937	GĐCM	Thôn Nam Hải, xã Nam Đà	x		
310	Nguyễn Thị Tâm	1954	CDHH	Thôn Nam Thành, xã Nam Đà	x		
311	Trần Bá Hiền	1969	Con liệt sĩ	Thôn Phú Cường, xã Đắk Nang	x		
312	Lê Hữu Tôn	1944	CDHH	Thôn Phú Lợi, xã Đắk Nang		x	
313	Lê Sỹ Nhân	1956	Thương binh	Thôn Nam Thành, xã Nam Xuân	x		
314	Vi Xuân Tăng	1958	Thương binh	Thôn Đắk Xuân, xã Nam Xuân	x		
315	Vi Hồng Lan	1954	CDHH	Thôn Đắk Xuân, xã Nam Xuân	x		

316	Tôn Văn Sướng	1962	Thương binh	Thôn Nam Sơn, xã Nam Xuân	x		
317	Nguyễn Trung Kiên	1946	Thương binh	Thôn Đắc Tân, xã Nam Xuân		x	
318	Dương Văn Liêm	1949	CĐHH	Thôn Nam Hợp, xã Nam Xuân	x		
319	Lò Văn Tân	1955	CĐHH	Thôn Lương Sơn, xã Nam Xuân		x	
320	Hoàng Văn Lưu	1963	Thương binh	Thôn Đắc Trung, xã Đắc Sôr	x		
321	Ngô Văn Tân	1946	Thương binh + Bệnh binh	Thôn Đắc Thành, xã Đắc Sôr		x	
322	Phan Văn Giai	1946	Thương binh	Thôn Quảng Đà, xã Đắc Sôr		x	
323	Đàm Quang Phong	1953	CĐHH	Thôn Bình Giang, xã Buôn Choánh	x		
324	Phạm Trung Báo	1940	Thương binh	Buôn Choánh, xã Buôn Choánh		x	
325	H Vot	1956	Thương binh	Bon Broih, TT. Đắc Mâm	x		
326	Y Blar	1965	CĐHH	Bon Dru, TT. Đắc Mâm	x		
327	Trần Quốc Toàn	1950	Thương binh	TDP 2, TT. Đắc Mâm	x		
328	Võ Văn Đông	1956	CĐHH	Bon Broih, TT. Đắc Mâm	x		
329	Trần Viết Đức	1946	CĐHH	TDP 6, TT. Đắc Mâm	x		
330	Lê Thanh Nghị	1947	CĐHH	Thôn Đắc Vượng, TT. Đắc Mâm		x	
331	Nguyễn Xuân Tiểu	1949	CĐHH	TDP 7, TT. Đắc Mâm		x	
332	Phạm Thị Trạch	1943	Thương binh	TDP 4, TT. Đắc Mâm		x	
333	Kiều Duy Hải	1937	CĐHH	TDP 6, TT. Đắc Mâm	x		
334	Y B Loc	1925	CĐHH	Bon Dru, TT. Đắc Mâm	x		
335	Đỗ Thanh Chương	1956	CĐHH	TDP 2, TT. Đắc Mâm	x		
336	Nguyễn Văn Cấp	1954	CĐHH	Thôn Đắc Vượng, TT. Đắc Mâm		x	
337	Trần Văn Phi	1952	CĐHH	Thôn Đắc Vượng, TT. Đắc Mâm		x	
338	Bùi Viết Núi	1950	Bệnh binh	TDP 1, TT. Đắc Mâm	x		
339	Trần Thị Chi	1952	Bệnh binh	Thôn Phú Trung, xã Quảng Phú		x	

340	Trần Thị Mận	1964	CDHH	Thôn Phú Trung, xã Quảng Phú	x		
341	H Khung	1938	Bệnh binh	Bon Phê Prĩ, xã Năm N'Dir		x	
342	H Đăng	1942	CDHH	Bon Phê Prĩ, xã Năm N'Dir		x	
343	Phạm Văn Đình	1965	Con liệt sĩ	Thôn Nam Xuân, xã Năm N'Dir		x	
344	Y Vai	1950	Bệnh binh	Bon Phê Prĩ, xã Năm N'Dir	x		
345	Lê Thị Xuân	1940	Vợ liệt sĩ Nguyễn Tiều	Thôn Nam Thắng, xã Nam Đà	x		
346	Lương Ngọc Minh	1932	Thương binh	Thôn Nam Sơn, xã Nam Đà	x		
347	Võ Thị Thức	1949	HĐKC	Thôn Nam Cường, xã Nam Đà	x		
348	Trần Ngọc Noãn	1943	Thương binh	Thôn Nam Xuân, xã Nam Đà	x		
349	Lê Thị Đình	1946	CCCM	Thôn Nam Thành, xã Nam Đà	x		
350	Trần Văn Xu		CDHH	Buôn Kruê, xã Đắk Nang		x	
351	Y Bó	1933	CDHH	Bon Phê Prĩ, Bon Năm N'Dir		x	
352	H Mèl	1944	CDHH	Bon Phê Prĩ, xã Năm N'Dir		x	
IV. HUYỆN ĐẮK GLONG					3	6	
353	H' Bing	1941	Vợ liệt sĩ	Thôn 1, xã Quảng Khê		x	
354	H' Giang	1936	Vợ liệt sĩ	Thôn 3, xã Quảng Khê		x	
355	Nguyễn Thanh Thắng	1968	Con liệt sĩ	Thôn 1, xã Quảng Khê		x	
356	K'Von	1954	Bệnh binh 64%	Thôn 6, xã Quảng Khê		x	
357	K' Bình	1941	Bệnh binh 61%	Bon Phi Glê, xã Quảng Sơn		x	
358	Lê Trọng Thảo	1950	CDHH	Thôn 8, xã Quảng Khê		x	
359	Lương Thị Quý	1954	Vợ liệt sĩ	Thôn 4, xã Quảng Khê	x		Điều chỉnh sửa chữa sang xây mới
360	Nông Thị Thuận	1955	Vợ liệt sĩ	Thôn 6, xã Quảng Hòa	x		Điều chỉnh sửa chữa sang xây mới
361	Đỗ Văn Viện	1954	CDHH	Thôn 4, xã Đắk Plao	x		Điều chỉnh sửa chữa sang xây mới
V. HUYỆN TUY ĐỨC					0	3	

362	Vũ Tự Nhiên	1949	Thương binh, CDHH	Bon Bu Dắc, xã Quảng Trục		x	
363	Trần Thị Lập	1928	Người CCND liệt sĩ	Thôn 1, xã Quảng Tân		x	
364	Ngô Duy Thắng	1922	Thương binh	Thôn 3, xã Quảng Tân		x	
VI. TX.GIA NGHĨA					0	3	
365	Hoàng Văn Vinh	1952	Thương binh	TDP2, P.Nghĩa Phú		x	Đã tạm ứng kinh phí xây dựng
366	Lê Thanh Ba	1945	Thương binh	Thôn Tân An, xã Đắc Rmoan		x	Đã tạm ứng kinh phí xây dựng
367	Trần Việt Cường	1952	Bệnh binh	Thôn Tân Hiệp, xã Đắc Rmoan		x	Đã tạm ứng kinh phí xây dựng
VII. HUYỆN ĐẮK RLÁP					9	15	
368	Phạm Ngọc Thanh	1955	Bệnh binh	Thôn 10, xã Đắc Wer		x	
369	Tạ Văn Thường	1933	Tù đầy	Thôn 13, xã Đắc Wer		x	
370	Lê Xuân Hóa		Thương binh	Thôn Sa Đa Cô, xã Quảng Tín		x	
371	Nguyễn Văn Khai	1950	Thương binh	TDP 6, TT. Kiến Đức		x	
372	Vũ Hồng Điều	1948	Thương binh	TDP 5, TT. Kiến Đức		x	Đã tạm ứng kinh phí sửa chữa năm 2016
373	Trần Mai	1949	Thương binh	Thôn Quảng Tiến, xã Nghĩa Thắng		x	
374	Nguyễn Vạn	1957	Thương binh	Thôn Quảng Bình, xã Nghĩa Thắng		x	
375	Tương Văn Tế	1950	Bệnh binh	Thôn Quảng Lợi, xã Nghĩa Thắng		x	
376	Hoàng Phó Hoàng	1951	Thương binh+CDHH	Thôn Bù Đốp, xã Nghĩa Thắng		x	Đã tạm ứng kinh phí sửa chữa năm 2016
377	Nguyễn Văn Quang	1923	HĐKC	Thôn 3, xã Nhân Cơ		x	
378	Trần Viết Bửu	1960	Con liệt sĩ	Thôn 6, xã Đắc Wer	x		
379	Tạ Văn Hành	1940	Bệnh binh	TT. Kiến Đức		x	
380	Nguyễn Xuân Luân	1950	Thương binh	Thôn 1, xã Hưng Bình	x		
381	Lê Quang Phiếu	1941	Thương binh	Thôn 6, xã Hưng Bình		x	
382	Mai Trình Xuyên	1951	Thương binh	Thôn Tân Lập, xã Đắc Ru	x		

383	Trần Văn In	1952	Thương binh	Thôn 13, xã Đắc Sin	x		
384	Nguyễn Thanh Bình	1956	Bệnh binh	Thôn 10, xã Đắc Sin		x	
385	Lê Thành Công	1947	Thương binh	Thôn 6, xã Đắc Wer	x		
386	Đổng Văn Tranh	1954	Bệnh binh	Quảng Lợi, xã Nghĩa Thắng		x	
387	Nguyễn Thị Phương	1956	Tù đầy	Quảng Lộc, xã Đạo Nghĩa	x		
388	Trần Xuân Quang	1948	Thương binh	Thôn 3, xã Nhân Đạo		x	
389	Lữ Thị Kiều	1954	NCCCM	Châu Thành, xã Đắc Ru	x		
390	Nguyễn Thị Vân	1956	Thương binh	Châu Thành, xã Đắc Ru	x		
391	Nguyễn Thị Lan	1950	Vợ Liệt sĩ	Tân Phú, xã Đắc Ru	x		
VIII. HUYỆN ĐẮK MIL							
392	Trần Thị Thanh Liên	1950	CDHH	TDP 08, Thị trấn Đắc Mil	x		Đính chính tên (Trần Thị Liên)
393	Nguyễn Minh Phúc	1950	Thương binh	Thôn 3, xã Đắc R'la		x	
394	Phạm Hồng Khoa	1945	CDHH	Thôn 11, xã Đắc R'la		x	
395	Hồ Văn Tài	1955	Thương binh	Thôn 3, xã Đắc R'la		x	
396	Y Đoi		Bệnh binh	Bon Đắc Mán, xã Đắc Sák		x	
397	Nguyễn Đức Xiêm		CDHH	Thôn Đức Bình, xã Đức Mạnh		x	
398	Lý Kim Siệu	1955	Thương binh	Thôn 5, xã Đắc N'Drot		x	
399	Y Nhung		Bệnh binh	Bon Đắc R'la, xã Đắc N'Drot		x	
400	Y Sranh	1940	Bệnh binh	Bon Đắc R'la, xã Đắc N'Drot		x	
401	Hoàng Anh Tuấn		Thương binh	TDP 9, TT. Đắc Mil		x	
402	Phạm Xuân Hợi	1947	Thương binh	Thôn 11, xã Đắc R'la		x	
403	Mai Đại Dũng	1954	Bệnh binh	Thôn 5, xã Đắc R'la		x	
404	Lê Thị Minh	1936	Mẹ liệt sĩ	Thôn 3, xã Đắc R'la		x	
405	Nguyễn Thị Vân	1949	Mẹ liệt sĩ	Thôn 3, xã Đắc R'la		x	

406	Phan Minh Đức	1948	CĐHH	Thôn 11, xã Đắc R'la		x	
407	Nguyễn Thành Vũ	1948	Bệnh binh	TDP 6, TT. Đắc Mĩ		x	
408	Mai Đức Ba	1948	Thương binh	TDP 5, TT. Đắc Mĩ		x	
409	Phạm Thị Mùi	1939	Vợ Liệt sĩ	TDP 5, TT. Đắc Mĩ		x	
Tổng số					250	159	

Ấn định danh sách có: 409 đối tượng, trong đó: 250 đối tượng được hỗ trợ xây mới; 159 đối tượng được hỗ trợ sửa chữa nhà ở

